

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PUBLIC API

Ngành Bar – Coffee – Nhà hàng

Table of Contents

1. GIỚI THIỆU	4
2. CHỨC NĂNG	5
2.1. Authenticate	5
2.2. Lấy thông tin Access Token	6
2.3. Nhóm hàng	7
2.3.1. Lấy danh sách nhóm hàng	7
2.3.2. Lấy chi tiết nhóm hàng	9
2.4. Hàng hóa	9
2.4.1. Lấy danh sách hàng hóa	10
2.4.2. Lấy chi tiết hàng hóa	13
2.5. Đơn hàng	17
2.5.1. Thêm mới đơn hàng	17
2.6. Khách hàng	19
2.6.1. Lấy danh sách khách hàng	19
2.6.2. Lấy chi tiết khách hàng	21
2.6.3. Thêm mới khách hàng	22
2.6.4. Cập nhật khách hàng	23
2.6.5. Xóa khách hàng	25
2.7. Webhook	25
2.7.1. Đăng ký Webhook	25
2.7.2. Hủy đăng ký Webhook	26
2.7.3. Khách hàng	27
2.7.4. Hàng hóa	27
2.7.5. Tồn kho	29

Revision History

Ngày	Version	Nội dung thay đổi
22/08/2018	1.0	Tạo phiên bản đầu tiên

1. GIỚI THIỆU

KiotViet Public API được phát triển để hỗ trợ việc tích hợp và trao đổi dữ liệu giữa KiotViet và các nền tảng website, thương mại điện tử, CRM...

KiotViet Public API cung cấp cơ chế đọc và ghi các đối tượng sau:

- Nhóm hàng: lấy danh sách nhóm hàng hóa với các thông tin về tên nhóm hàng và quan hệ giữa các nhóm hàng **(2.3)**
- Hàng hóa: lấy thông tin sản phẩm **(2.4)**
- Đơn hàng: tạo đơn hàng **(2.5)**
- Khách hàng: lấy danh sách khách hàng và thao tác trên thông tin khách hàng **(2.6)**
- Các API phụ trợ
 - Webhook **(2.7)**

2. CHỨC NĂNG

Mục này mô tả thông tin chi tiết của từng API. Các thông tin bao gồm:

- Tên API
- Mục đích sử dụng của API
- Cấu trúc của API
- Chi tiết tham số trong request
- Nội dung response trả về

Chú ý: Ngoại trừ API lấy thông tin Authentication Code và Access Token, toàn bộ các API khác đều có header trong request với thông tin:

- “Retailer”: tên cửa hàng
- “Authorization”: Bearer {Mã Access Token}

Ví dụ:

Retailer: testfmbz15

Authorization: Bearer

eyJhbGciOiJSU0EtT0FFUCIsImVuYyI6ImExMjdhDQkMtSFMyNTYiLCJraWQiOiJzQngifQ.h9rN-fArDF-aL0fkpnagyp6QD8Bt8shBdvaqiahrVimtKnV8mSlK2LvClw5CoXbm312jCBXN8Gmn7bUxGzP78gFSOrGQF B5rlyvisDwpcr3R4aC6leVsCEoEHnrGvz0_v3fv7ml7YhWCQvcea62Wn5bMtSabTKpj_J9VdKjUwe4VPp3UYp QoLN8HreL2gmq9BqQC2QBIO25Mk3yPeaJaXTueFXKjYR-0f0qSsnw1IEMPRp8ECfq3w0N3CYmc-lg2zvqYFLBmQqdxlnwJE__6ebRDtXp_qNKy7LmgLaR3LzKlZUHDdFN4fUQ23hZX5HmQ_9xNcEH_Otg1EBZ5 T2Xg.vToCTB4ZmAHWUEjVRg5C0A.Z8UK_2Y-dEZeZNN05drADRBzkrkpLG3FaLMFnPFhAc6iEKIMBorOgdm5uZI4FzMGvbfBUuVU5AlbOr0MxSickdhwldi1 H9pSytHzqAuC2qr_1kvlGkYmr6gz9WAsTWMnPhFQ8DMV5jhNKxYod8zzXUuLdi7eHC2mxAygN_fMa04yo FfEp3742of57LLgAqkKKY0ADK_LzJGmkcBbe2x4w.sEiuD4cqFqj9Wj9kOZ31gSjq6REOpMUj3hBYBojekzw

2.1. Authenticate

Kiotviet API xác thực dựa trên cơ chế xác thực OAuth 2.0, để kết nối được hệ thống cần có 2 thông tin: ClientId và Mã bảo mật. Thông tin này được truy cập vào “Thiết lập cửa hàng” bằng tài khoản admin => Chọn Thiết lập kết nối API

Thông tin cửa hàng	Thiết lập tính năng	Thiết lập kết nối API
Tên kết nối	<input type="text" value="Kết nối website"/>	
Client ID	<input type="text" value="dc1d7025-0578-4426-bdae-a4fd1f69676a"/>	
Mã bảo mật	<input type="text" value="2503C3E89A758864C880BDF5B9B0F6FA87CE23AE"/>	<input type="button" value="Tạo mã"/>
Hoạt động	<input checked="" type="radio"/> Hoạt động <input type="radio"/> Ngừng hoạt động	

Trong trường hợp không thể lấy được thông tin trên vui lòng liên hệ với bộ phận CSKH để được hỗ trợ.

Sau khi có được thông tin ClientId và Mã bảo mật (client_secret). Có thể sử dụng các thư viện theo từng ngôn ngữ để lấy thông tin Access Token, ví dụ:

+ Với C#: <https://www.nuget.org/packages/OAuth2Client/>

+ Với PHP: <https://github.com/thephpleague/oauth2-client>

Thông tin endpoint authenticate như sau:

- Authorization Endpoint: <https://id.kiotviet.vn/connect/authorize>
- Token Endpoint: <https://id.kiotviet.vn/connect/token>

Hoặc có thể call API bên dưới (2.2)

2.2. Lấy thông tin Access Token

Mục đích sử dụng: API lấy thông tin Access Token để truy cập

Phương thức và URL: POST <https://id.kiotviet.vn/connect/token>

Request:

scopes: PublicApi.Access.FNB //Phạm vi truy cập (Public API)

grant_type: client_credentials //Thông tin truy cập dạng token

client_id: dc1d7025-0578-4426-bdae-a4fd1f69676a //Client Id

client_secret: 2503C3E89A758864C880BDF5B9B0F6FA87CE23AE //Client secret

Header

"Content-Type":"application/x-www-form-urlencoded"

scope

Body:

```
scope=PublicApi.Access.FNB&grant_type=client_credentials&client_id=dc1d7025-0578-4426-bdae-a4fd1f69676a&client_secret=2503C3E89A758864C880BDF5B9B0F6FA87CE23AE
```

Response:

```
{
  "access_token": "",
  "expires_in": 86400,
  "token_type": "Bearer"
}
```

2.3. Nhóm hàng

Mô tả chi tiết cho các liên quan đến thông tin nhóm hàng hóa như sau:

2.3.1. Lấy danh sách nhóm hàng

Mục đích sử dụng: Trả về toàn bộ danh mục hàng hóa (nhóm hàng hóa). Danh sách này được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái (a-z). Hệ thống chỉ cho phép nhóm hàng hóa có tối đa 3 cấp, và không cho phép xóa nhóm hàng cha nếu đang có chứa nhóm hàng con và không cho phép xóa nhóm hàng con nếu đang được sử dụng.

Phương thức và URL: GET <https://publicfnb.kiotapi.com/categories>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số

“lastModifiedFrom”: datetime? // thời gian cập nhật

“pageSize”: int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

“currentItem”: int, // lấy dữ liệu từ bản ghi hiện tại, nếu không nhập thì mặc định là 0

“orderBy”: string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (Ví dụ: orderBy=name)

"orderDirection": string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc (Mặc định), giảm dần Desc

"hierachicalData": Boolean, // nếu HierachicalData=true thì mình sẽ lấy nhóm hàng theo cấp mà không quan tâm lastModifiedFrom. Ngược lại, HierachicalData=false thì sẽ lấy 1 list nhóm hàng theo lastModifiedFrom nhưng không có phân cấp

Response:

❖ Nếu *hierachicalData* là *true*

```
"total": int,
"pageSize": int,
"data": [
  {
    "categoryId": int, // ID nhóm hàng hóa
    "parentId": int?, // Nếu danh mục có danh mục cha thì có id cụ thể,
    nếu không có danh mục cha, ParentId=null
    "categoryName": string, // Tên nhóm hàng hóa
    "retailerId": int, // Id của hàng
    "hasChild": boolean?, // nhóm hàng có con hay không
    "modifiedDate": datetime? // thời gian cập nhật
    "createdDate": datetime
    "children": []
  }],
  "removedIds": int [], // danh sách ID nhóm hàng bị xóa dựa trên
  ModifiedDate
  "timestamp": datetime
}
```

❖ Nếu *hierachicalData* là *false*

```
"total": int,
"pageSize": int,
"data": [{
  "categoryId": int, // ID nhóm hàng hóa
  "parentId": int?, // Nếu danh mục có danh mục cha thì có id cụ thể,
  nếu không có danh mục cha, ParentId=null
  "categoryName": string, // Tên nhóm hàng hóa
```



```
    "retailerId": int, // Id của hàng
    "hasChild": boolean?, // nhóm hàng có con hay không
    "modifiedDate": datetime? // thời gian cập nhật
    "createdDate": datetime
  }],
  "removedIds": int [], // danh sách ID nhóm hàng bị xóa dựa trên Modified
  Date
  "timestamp": datetime
}
```

2.3.2. Lấy chi tiết nhóm hàng

Mục đích sử dụng: Trả lại thông tin chi tiết của nhóm hàng hóa theo ID

Phương thức và URL: GET <https://publicfmb.kiotapi.com/categories/{id}>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"id": long // ID của nhóm hàng

Response:

```
"data": {

  "categoryId": int, // ID nhóm hàng hóa
  "parentId": int?, // Nếu danh mục có danh mục cha
  "categoryName": string, // Tên nhóm hàng hóa
  "retailerId": int, // Id của hàng
  "hasChild": int?, // Id của hàng
  "modifiedDate": datetime?, // Thời gian cập nhật
  "createdDate": datetime,
  "children": []

}
```

2.4. Hàng hóa

Mô tả chi tiết cho các liên quan đến thông tin hàng hóa như sau:

2.4.1. Lấy danh sách hàng hóa

Mục đích sử dụng: Trả về toàn bộ hàng hóa theo cửa hàng đã được xác nhận (authenticated retailer)

Phương thức và URL: GET <https://publicfnb.kiotapi.com/products>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

“orderBy”: string, optional //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (ví dụ: orderBy=Name)

“lastModifiedFrom”: datetime? // thời gian cập nhật

“pageSize”: int, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

“currentItem”: int, // lấy dữ liệu từ bản ghi currentItem

“includeInventory”: Boolean, // có lấy thông tin tồn kho?

“includePricebook”: Boolean, // có lấy thông tin bảng giá?

“IncludeBatchExpires”: Boolean, // lấy thông tin lô, hạn sử dụng

“masterUnitId”: long?, //Id hàng hoá đơn vị cần filter

“categoryId”: int?, //Id nhóm hàng cần filter

“orderDirection”: string, optional

Nếu có "OrderDirection", chọn sắp xếp kết quả về theo:

- ASC (Mặc định)
- DESC

“includeRemoveIds”: Boolean //Có lấy thông tin danh sách Id bị xóa dựa trên lastModifiedFrom,

Response:

```
“removeId”: int [], // Danh sách Id hàng hóa bị xóa dựa trên ModifiedDate
“total”: int, // Tổng số hàng hóa
“pageSize”: int,
“data”: [{
    “id”: long, // ID hàng hóa
    “code”: string, // Code hàng hóa
    “retailerId”: int, // Id của hàng
```

```
"allowsSale": Boolean, // Sản phẩm được bán trực tiếp hay không  
"name": string, // Tên sản phẩm  
"categoryId": int, // Id của nhóm hàng hóa
```

```
"categoryName": string, // Tên của nhóm hàng hóa  
"productType": int? // Id loại hàng  
"isTopping": bool? // Có là món thêm?  
"isProcessedGoods": bool? // có là hàng chế biến  
"isTimeType": bool? // Có là hàng tính giờ?  
"isRewardPoint" bool? // Có là hàng tích điểm  
"fullName": string, // Tên sản phẩm bao gồm unit và thuộc tính  
"description": string, // Mô tả sản phẩm  
"orderTemplate": string, // Ghi chú đặt hàng  
"hasVariants": Boolean?, // Sản phẩm có thuộc tính hay không  
"attributes": [{ // thuộc tính  
    "productId": long, // Id sản phẩm  
    "attributeName": string, // tên thuộc tính  
    "attributeValue": string // giá trị thuộc tính  
}],  
"unit": string, // đơn vị tính của 1 sản phẩm,  
"masterUnitId": long, // Id của hàng hóa đơn vị cơ bản (null)  
"masterProductId": long?,  
"conversionValue": int, // Đơn vị quy đổi  
"units": [{ // Đơn vị  
    "id": long, // ID sản phẩm  
    "code": string, // Mã sản phẩm  
    "name": string, // Tên sản phẩm  
    "fullName": string, // Tên sản phẩm
```

```
    "unit": string, // Đơn vị tính
    "conversionValue": double, // Đơn vị quy đổi
    "basePrice": decimal, // Giá bán của sản phẩm
  }],
  "images": [{"Image": string, // ảnh sản phẩm}],
  // Danh sách hình ảnh của hàng hóa
  "inventories": [{ // Tồn kho
    "productid": long, // Id của sản phẩm
    "productCode": string, // Mã của sản phẩm
    "productName": string, // Tên của sản phẩm
    "branchId": int, // Id của chi nhánh
    "branchName": string, // Tên của chi nhánh
    "onHand": double?, // Tồn kho theo chi nhánh
    "cost": decimal?, // Giá sản phẩm
    "reserved": double, // Đặt hàng theo chi nhánh
  }],
  "priceBooks": [{ // bảng giá sản phẩm
    "priceBookId": long, // ID bảng giá
    "priceBookName": string, // Tên bảng giá
    "productId": long, // ID sản phẩm
    "isActive": Boolean, // Có được sử dụng?
    "startDate": datetime?, // có hiệu lực từ ngày
    "endDate": datetime?, // có hiệu lực đến ngày
    "price": decimal, // Giá bán theo bảng giá
  }],
  "toppings": [{ // Danh sách món thêm
    "id": long, // ID món thêm
```

```
        "retailerId": long, // ID của hàng
        "code": string , // Mã món thêm
        "name": string , // Tên món thêm
        "fullName": string , // Tên đầy đủ món thêm
        "categoryId": long , // Mã nhóm hàng hóa
        "basePrice": decimal , // Giá món thêm
    }],
    "formulas": // danh sách thành phần
    [{
        "id": long, // ID thành phần
        "retailerId": long, // ID của hàng
        "code": string , // Mã thành phần
        "name": string , // Tên thành phần
        "fullName": string , // Tên đầy đủ thành phần
        "categoryId": long , // Mã nhóm hàng hóa
        "basePrice": decimal , // Giá thành phần
        "quantity": decimal , // Số lượng thành phần
    }],
    "basePrice": decimal?, // giá sản phẩm
    "IsTimeServices": bool?, //
    "weight": double?, // trọng lượng sản phẩm
    "modifiedDate": datetime // thời gian cập nhật
    }]
```

2.4.2. Lấy chi tiết hàng hóa

Mục đích sử dụng: Trả lại chi tiết của một sản phẩm cụ thể theo ID, theo Code

Phương thức và URL:

- Theo Id : **GET** <https://publicfnb.kiotapi.com/products/{id}>

- Theo Code : **GET** <https://publicfnb.kiotapi.com/products/code{code}>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"id": long // ID của hàng hóa

"code": string // Mã của hàng hóa

Response:

```
"total": int, // Tổng số hàng hóa
"pageSize": int, //Số lượng trên trang
"data": [{
  "id": long, // ID hàng hóa
  "code": string, // Code hàng hóa
  "retailerId": int, // Id của hàng
  "allowsSale": Boolean, // Sản phẩm được bán trực tiếp hay không
  "name": string, // Tên sản phẩm
  "categoryId": int, // Id của nhóm hàng hóa
  "categoryName": string, // Tên của nhóm hàng hóa
  "productType": int? // Id loại hàng
  "isTopping": bool? // Có là món thêm?
  "isProcessedGoods": bool? //có là hàng chế biến
  "isTimeType": bool? // Có là hàng tính giờ?
  "isRewardPoint" bool? // Có là hàng tích điểm
  "fullName": string, // Tên sản phẩm bao gồm unit và thuộc tính
  "description": string, // Mô tả sản phẩm
  "orderTemplate": string, // Ghi chú đặt hàng
  "hasVariants": Boolean?, // Sản phẩm có thuộc tính hay không
  "attributes": [{
    "productId": long, // Id sản phẩm
    "attributeName": string, // tên thuộc tính
```

```
        "attributeValue": string // giá trị thuộc tính
    }],
    "unit": string, // đơn vị tính của 1 sản phẩm,
    "masterUnitId": long, // Id của hàng hóa đơn vị cơ bản (null)
    "masterProductId": long?,
    "conversionValue": int, // Đơn vị quy đổi
    "units": [{
        "id": long, // ID sản phẩm
        "code": string, // Mã sản phẩm
        "name": string, // Tên sản phẩm
        "fullName": string, // Tên sản phẩm
        "unit": string, // Đơn vị tính
        "conversionValue": double, // Đơn vị quy đổi
        "basePrice": decimal, // Giá bán của sản phẩm
    }],
    "images": [{"Image": string, // ảnh sản phẩm}],
    // Danh sách hình ảnh của hàng hóa
    "inventories": [{
        "productid": long, // Id của sản phẩm
        "productCode": string, // Mã của sản phẩm
        "productName": string, // Tên của sản phẩm
        "branchId": int, // Id của chi nhánh
        "branchName": string, // Tên của chi nhánh
        "onHand": double?, // Tồn kho theo chi nhánh
        "cost": decimal?, // Giá sản phẩm
        "reserved": double, // Đặt hàng theo chi nhánh
    }],
    },
    ],
    }
```

```
"priceBooks": [{
    "priceBookId": long, // ID bảng giá
    "priceBookName": string, // Tên bảng giá
    "productId": long// ID sản phẩm
    "isActive": Boolean, // Có được sử dụng?
    "startDate": datetime?, // có hiệu lực từ ngày
    "endDate": datetime?, // có hiệu lực đến ngày
    "price": decimal, // Giá bán theo bảng giá
}],
"toppings": [{
    "id": long, // ID món thêm
    "retailerId": long, // ID cửa hàng
    "code": string , // Mã món thêm
    "name": string , // Tên món thêm
    "fullName": string , // Tên đầy đủ món thêm
    "categoryId": long , // Mã nhóm hàng hóa
    "basePrice": decimal , // Giá món thêm
}],
"formulas": [{
    "id": long, // ID thành phần
    "retailerId": long, // ID cửa hàng
    "code": string , // Mã thành phần
    "name": string , // Tên thành phần
    "fullName": string , // Tên đầy đủ thành phần
    "categoryId": long , // Mã nhóm hàng hóa
    "basePrice": decimal , // Giá thành phần
    "quantity": decimal , // Số lượng thành phần
}],
```



```
"basePrice": decimal?, // giá sản phẩm
"IsTimeServices": bool?, //
"weight": double?, // trọng lượng sản phẩm
"modifiedDate": datetime // thời gian cập nhật
}]
```

2.5. Đơn hàng

Hiện tại KiotViet hỗ trợ các thiết lập cho tính năng đặt hàng như sau:

- ❖ Trong trường hợp người dùng không tích chọn setting cho “Sử dụng tính năng giao hàng”, các giao dịch sẽ không hiển thị tính năng giao hàng nữa. Vì vậy, khi gọi các API liên quan tới phần giao hàng, nếu thiết lập này đang tắt thì API sẽ trả lại thông báo “Thiết lập “Sử dụng tính năng giao hàng.” đang không được bật”.
- ❖ Trong trường hợp người dùng không tích chọn setting cho “Cho phép gọi món khi hết tồn kho”, khi Post các API liên quan mà số lượng hàng trong đơn hết tồn kho thì trả lại thông lỗi.

Mô tả chi tiết cho các API hỗ trợ Đơn hàng như sau:

2.5.1. Thêm mới đơn hàng

Mục đích sử dụng: Tạo mới đơn hàng

Phương thức và URL: POST <https://publicfnb.kiotapi.com/orders>

Request: JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 object đơn hàng:

```
{
  "BranchId":int, // Id chi nhánh
  "CustomerId": int, //Id khách hàng
  "DeliveryDetail":{ //Chi tiết giao hàng
    "Receiver": string, // người nhận
    "ContactNumber": string, // số điện thoại người nhận
    "Address":string, // Địa chỉ nhận
    "LocationName": string, // Tỉnh thành, quận huyện nhận
  }
}
```

```

        "WardName":string,//Xã phường nhận
        "DeliveryCode":string,// Mã vận đơn
        "PartnerDelivery":{ // Thông tin đối tác giao hàng
            "Code":string, // Mã đối tác
            "Name":string // Tên đối tác
        },
        "ExpectedDelivery":datetime?,/ Ngày dự kiến giao hàng
        "Price":double, // Phí giao hàng
        "Status": int //Trạng thái GH(3: Chưa giao,4: Đang giao)
    },
    "OrderDetails" : [{
        "ProductId": long, // Mã sản phẩm
        "Price": decimal,// Giá bán
        "Quantity": double, // Số lượng
        "Note": string, // Ghi chú
        "Rank": int
    }]
}

```

Response:

```

{
    "id": int, // ID đơn hàng
    "code":string,// Mã đơn hàng
    "purchaseDate": datetime,// Ngày đặt hàng
    "retailerId": int,// Mã cửa hàng
    "branchId": int,// Mã chi nhánh
    "customerId": int, // Mã khách hàng
    "customerName": string, // Tên khách hàng
    "soldById": 90641, //ID người bán
    "orderDetails": [{
        "uuid": string,
        "productId": int,// id của hàng hóa
        "price": decimal,// Giá bán
        "quantity": int,// Số lượng
        "note": string,// Ghi chú
        "isStartTimeCounter": bool,// Có đang đếm giờ
    }]
}

```

```

        "timeStartConter": datetime? // Thời gian bắt đầu sử dụng DV
        "timeEndCounter": datetime? // Thời gian kết thúc sử dụng DV
    }],
    "orderDelivery": { // Thông tin giao hàng
        "receiver": string, // Người nhận
        "contactNumber": string, // Số điện thoại người nhận
        "address": 'string', // Địa chỉ nhận
        "locationName": string, // tỉnh thành, quận huyện
        "wardName": string, // Xã phường
        "deliveryBy": int, // Mã đối tác
        "deliveryCode": string, // Mã vận đơn
        "partnerDelivery": {
            "code": string, // Mã đối tác
            "name": string // Tên đối tác
        },
        "expectedDelivery": datetime?, // Ngày dự kiến giao hàng
        "status": int, // Trạng thái giao hàng
        "price": decimal // Phí giao hàng
    },
    "status": int, // Trạng thái đơn hàng
    "statusValue": string, // Tên trạng thái
    "toTalQuantity": double, // Số lượng
    "total": decimal, // Tổng tiền
    "totalPayment": decimal, // Tiền trả
    "historyNote": string, // lịch sử
    "diningOption": int // loại đơn hàng ( 1: Giao đi, 3: mang về)
}

```

2.6. Khách hàng

Mô tả chi tiết cho các liên quan đến thông tin hàng hóa như sau:

2.6.1. Lấy danh sách khách hàng

Mục đích sử dụng: Trả lại danh sách khách hàng theo cửa hàng đã được xác nhận

Phương thức và URL: GET <https://publicfnb.kiotapi.com/customers>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"code": string, optional // nếu có mã code, cho phép tìm kiếm khách hàng theo mã KH

"name": string, optional // tìm kiếm theo tên khách hàng

"contactNumber": string, optional // tìm kiếm theo số điện thoại khách hàng

"lastModifiedFrom": datetime? // thời gian cập nhật

"pageSize": int?, // số items trong 1 trang, mặc định 20 items, tối đa 100 items

"currentItem": int?,

"orderBy": string, //Sắp xếp dữ liệu theo trường orderBy (Ví dụ: orderBy=name)

"orderDirection": string, //Sắp xếp kết quả trả về theo: Tăng dần Asc (Mặc định), giảm dần Desc

"includeRemovelds": boolean, //Có lấy thông tin danh sách Id bị xoá dựa trên lastModifiedFrom

"includeTotal": boolean, //Có lấy thông tin TotalInvoice, TotalPoint, TotalRevenue

Response:

```
{
  "total": int,
  "pageSize": int,
  "data": [{
    "id": long, // ID khách hàng
    "code": string, // Mã khách hàng
    "name": string, // Tên khách hàng
    "gender": Boolean?, // Giới tính (true: nam, false: nữ)
    "birthdate": date?, // Ngày sinh khách hàng
    "contactNumber": string, // Số điện thoại khách hàng
    "address": string, // Địa chỉ khách hàng
    "locationName": string, // Khu vực
    "email": string, // Email của khách hàng
    "organization": string, // Công ty
    "comment": string, // Ghi chú
  ]
}
```

```
        "taxCode": string, // Mã số thuế
        "debt": decimal, // Nợ hiện tại
        "totalInvoiced": decimal?, // Tổng bán
        "totalPoint": double?, // Tổng điểm
        "totalRevenue": decimal?,
        "retailerId": int, // Id của hàng
        "modifiedDate": datetime? // thời gian cập nhật
        "createdDate": datetime
    }],
    "removeId": int [] // danh sách Id KH bị xóa dựa trên ModifiedDate
}
```

2.6.2. Lấy chi tiết khách hàng

Mục đích sử dụng: Trả lại thông tin chi tiết của khách hàng theo ID, theo Code

Phương thức và URL:

- Theo Id : **GET** <https://publicfnb.kiotapi.com/customers/{id}>
- Theo Code : **GET** <https://publicfnb.kiotapi.com/customers/code/{code}>

Request: Sử dụng hàm GET với tham số:

"id": long // ID của khách hàng

"code": string // Mã của khách hàng

Response:

```
{
    "id": long, // ID khách hàng
    "code": string, // Mã khách hàng
    "name": string, // Tên khách hàng
    "gender": Boolean?, // Giới tính (true: nam, false: nữ)
    "birthDate": datetime?, // Ngày sinh khách hàng
}
```

```
"contactNumber": string, // Số điện thoại khách hàng
"address": string, // Địa chỉ khách hàng
"locationName": string, // Khu vực
"email": string, // Email của khách hàng
"organization": string, // Công ty
"comment": string, // Ghi chú
"taxCode": string, // Mã số thuế
"retailerId": int, // Id của hàng
"debt": decimal, // Nợ hiện tại
"totalInvoiced": decimal?, // Tổng bán
"totalPoint": double?, // Tổng điểm
"totalRevenue": decimal?,
"modifiedDate": datetime? // thời gian cập nhật
"createdDate": datetime
}
```

2.6.3. Thêm mới khách hàng

Mục đích sử dụng: Tạo mới khách hàng

Phương thức và URL: POST <https://publicfmb.kiotapi.com/customers>

Request: JSON mã hóa yêu cầu gồm 1 object khách hàng:

```
{
  "code": string, // Ma khách hàng
  "name": string, // Tên khách hàng
  "gender": Boolean, // Giới tính (true: nam, false: nữ)
  "birthDate": datetime?, // Ngày sinh khách hàng
  "contactNumber": string, // Số điện thoại khách hàng
  "address": string, // Địa chỉ khách hàng
  "email": string, // Email của khách hàng
}
```

```
"comment": string, // Ghi chú  
}
```

Response:

```
"message": string, // thông báo respond  
"data": {  
    "id": long, // ID khách hàng  
    "code": string, // Mã khách hàng  
    "name": string, // Tên khách hàng  
    "gender": Boolean, // Giới tính (true: nam, false: nữ)  
    "birthDate": datetime?, // Ngày sinh khách hàng  
    "contactNumber": string, // Số điện thoại khách hàng  
    "address": string, // Địa chỉ khách hàng  
    "locationName": string, // Khu vực  
    "email": string, // Email của khách hàng  
    "organization": string, // Tên công ty  
    "comment": string, // Ghi chú  
    "taxCode": string, // Mã số thuế  
    "retailerId": int, // Id của hàng  
    "modifiedDate": datetime?, // Thời gian cập nhật  
    "createdDate": datetime  
}
```

2.6.4. Cập nhật khách hàng

Mục đích sử dụng: Cập nhật thông tin khách hàng theo ID

Phương thức và URL: PUT <https://publicfnb.kiotapi.com/customers/Id>

Request: Sử dụng hàm PUT với ID khách hàng qua 1 object JSON.

```
"id": long // ID khách hàng
```

Body

```
{
  "code": string, // Mã khách hàng
  "name": string, // Tên khách hàng
  "gender": Boolean, // Giới tính (true: nam, false: nữ)
  "birthDate": datetime?, // Ngày sinh khách hàng
  "contactNumber": string, // Số điện thoại khách hàng
  "address": string, // Địa chỉ khách hàng
  "email": string, // Email của khách hàng
  "comment": string, // Ghi chú
}
```

Response:

```
{
  "id": long, // ID khách hàng
  "code": string, // Mã khách hàng
  "name": string, // Tên khách hàng
  "gender": Boolean, // Giới tính (true: nam, false: nữ)
  "birthDate": datetime?, // Ngày sinh khách hàng
  "contactNumber": string, // Số điện thoại khách hàng
  "address": string, // Địa chỉ khách hàng
  "locationName": string, // Khu vực
  "email": string, // Email của khách hàng
  "organization": string, // Tên công ty của khách hàng
  "comment": string, // Ghi chú
  "taxCode": string, // Mã số thuế
  "retailerId": int, // Id cửa hàng
  "modifiedDate": datetime?, // Thời gian cập nhật
}
```



```
    "createdDate": datetime
}
```

2.6.5. Xóa khách hàng

Mục đích sử dụng: Xóa khách hàng theo ID

Phương thức và URL: DELETE <https://publicfnb.kiotapi.com/customers/{id}>

Request: Gồm Id của khách hàng trong URL:

"id": long // ID của khách hàng

Response: Trả lại thông tin xóa thành công (Code 200)

```
{
    "message": "Xóa dữ liệu thành công"
}
```

2.7. Webhook

Webhook là mô hình một public API chủ động gọi vào một server của bên thứ ba khi có thay đổi xảy ra. Nó tương đương với mô hình data push (trái ngược với polling), trong đó server chủ động gọi cho client thay vì client phải thường xuyên kiểm tra server.

API Webhook được mô tả chi tiết như bên dưới:

2.7.1. Đăng ký Webhook

Mục đích sử dụng: Đăng ký webhook

Phương thức và URL: POST <https://publicfnb.kiotapi.com/webhooks>

Request:

```
{
    "Webhook": {
        "Type": string, // Loại webhook
    }
}
```

```
        "Url": string, // Địa chỉ đăng ký
        "IsActive": Boolean, // Trạng thái hoạt động
        "Description": string // Mô tả
    }
}
```

Response:

```
{
    "id": long, // webhook id
    "type": string, //Loại webhook
    "url": string, // Địa chỉ đăng ký
    "isActive": Boolean, // Trạng thái hoạt động
    "description": string, // Mô tả
    "retailerId": int, // Id của hàng
}
```

2.7.2. Hủy đăng ký Webhook

Mục đích sử dụng: Hủy đăng ký Webhook

Phương thức và URL: DELETE <https://publicfnb.kiotapi.com/webhooks/{id}>

Request: Request sẽ bao gồm Id của webhook trong URL:

```
"id": int // ID của Webhook
```

Response: Trả lại thông tin xóa thành công (Code 200)

```
{
    "message": "Hủy đăng ký webhook thành công"
}
```

2.7.3. Khách hàng

customer.update

```
{
  "Id": string,
  "Attempt": int,
  "Notifications": [{
    "Action": string,
    "Data": [{
      "Id": long,
      "Code": string,
      "Name": string,
      "Gender": bool?,
      "BirthDate": Datetime?,
      "ContactNumber": string,
      "Address": string,
      "LocationName": string,
      "Email": string,
      "ModifiedDate": DateTime,
      "Type": byte?,
      "Organization": string,
      "TaxCode": string,
      "Comments": string
    }]
  }]
}
```

customer.delete

```
{"RemoveId": int []}
```

2.7.4. Hàng hóa

product.update

```
{
```

```
"Id": string,
"Attempt": int,
"Notifications": [{
  "Action": string,
  "Data": [{
    "Id": long,
    "Code": string,
    "Name": string,
    "FullName": string,
    "CategoryId": int,
    "CategoryName": string,
    "AllowsSale": bool,
    "HasVariants": bool,
    "BasePrice": Decimal,
    "Weight": double?,
    "Unit": string,
    "MasterUnitId": long?,
    "ConversionValue": double,
    "ModifiedDate": DateTime?,
    "Attributes": [{
      "ProductId": long,
      "AttributeName": string,
      "AttributeValue" : string
    }],
    "Units" [{
      "Id": long,
      "Code": string,
      "Name": string,
      "FullName": string,
      "Unit": string,
      "ConversionValue": double,
      "BasePrice": Decimal
    }],
    "Inventories": [{
      "ProductId": long,
      "ProductCode": string,
      "ProductName": string,
```

```
        "BranchId": int,  
        "BranchName": string,  
        "Cost": Decimal,  
        "OnHand": double,  
        "Reserved": double  
    }],  
    "PriceBooks": [{  
        "ProductId": long,  
        "PriceBookId": long,  
        "PriceBookName": string,  
        "Price" : Decimal,  
        "IsActive": bool,  
        "StartDate": DateTime?,  
        "EndDate": DateTime?  
    }],  
    "Images": [{"Image": string}]  
    }  
}
```

product.delete

```
{"RemoveId": int []}
```

2.7.5. Tồn kho

stock.update

```
{  
    "Id": string,  
    "Attempt": int,  
    "Notifications": [{  
        "Action": string,  
        "Data": {
```

```
        "ProductId": long,  
        "ProductCode": string,  
        "ProductName": string,  
        "BranchId": int,  
        "BranchName": string,  
        "Cost": Decimal,  
        "OnHand": double,  
        "Reserved": double  
    }]  
}]  
}
```